TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HĐ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2023
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tham gia phiên tòa***: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 409/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Thùy D**, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TD, xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy D trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị Thùy D và anh Huỳnh Văn B đi đến hôn nhân là do hai người tự tìm hiểu và yêu thương nhau; anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/4/2018.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì chị và anh B phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh B bất đồng quan điểm sống với nhau nên thường xuyên cãi nhau. Chị và anh B cũng đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Hiện chị D thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B là không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh B có 01 con chung tên Huỳnh Ngô Gia B, sinh năm 2018. Hiện chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Vì vậy, khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị D xác nhận quá trình chung sống chị và anh B không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn B:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Tuy nhiên, phía bị đơn anh Huỳnh Văn B đã vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ngô Thị Thùy D được ly hôn với anh Huỳnh Văn B;

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngô Gia B, sinh năm 2018 cho chị Ngô Thị Thùy D được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn xin ly hôn chị Ngô Thị Thùy D yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn B. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Huỳnh Văn B có nơi cư trú tại ấp MT, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Ngô Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Huỳnh Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử có cơ sở xác

định: Chị Ngô Thị Thùy D và anh Huỳnh Văn B xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã MP, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 27/4/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị Ngô Thị Thùy D và anh Huỳnh Văn B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh B thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị D và anh B có phát sinh mâu thuẫn mà theo chị D cho rằng do chị và anh B bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó chị D cùng người con chung của anh chị đã về bên nhà cha mẹ ruột chị D tại ấp TD, xã MP sinh sống từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị D cũng xác định trong thời gian chị và anh B sống ly thân với nhau thì giữa chị D và anh B không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị D đoàn tụ gia đình nhưng chị D vẫn kiên quyết ly hôn với anh B. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhiều lần nhưng anh B vẫn vắng mặt; Ngoài ra, Tòa án còn tống đạt biên bản không tiến hành hòa giải được có thể hiện nội dung về việc chị D xin ly hôn với anh B và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngô Gia B cho anh B được biết, tuy nhiên anh B vẫn không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này cũng chứng tỏ rằng anh B không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị D.

Từ đó thấy được mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh B là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Thị Thùy D được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Chị D và anh B có 01 người con chung tên Huỳnh Ngô Gia B, sinh năm 2018. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Theo lời khai của chị D thì từ khi chị và anh B sống ly thân với nhau cho đến nay thì chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia B và hiện cháu Gia B phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu Gia B phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần nên giao cháu Gia B cho chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Do chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị D xác nhận giữa chị và anh B không tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tại phiên tòa là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ngô Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thùy D được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Ngô Gia B, sinh năm 2018 cho chị Ngô Thị Thùy D được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị D nuôi con, anh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối

trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004186, ngày 11/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị D không phải nộp thêm, anh Bình không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Thị Hồng Điệp